SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN MẮT VÀ DA LIỄU HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 249/QĐ-BVMDL

Hải Phòng, ngày 02 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT VÀ DA LIỄU HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc Hội khoá 15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2026 số 06/2026/HĐKCB giữa Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương và Bảo hiểm xã hội cơ sở Hải Dương;

Căn cứ công văn số 1659/SYT-NVD ngày 13/02/2026 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc chủ động mua sắm thuốc sau khi kết thúc gói thầu MSTT thuốc cấp địa phương năm 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-BVMDL ngày 30/10/2026 về việc phê duyệt tổng dự toán kinh phí gói thầu: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2);

Căn cứ Tờ trình ngày 30/10/2026 của Tổ chuyên gia về việc trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2);

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 02/11/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2);

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2).

(Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, tổ thẩm định, Trưởng khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính kế toán, các khoa/phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Ban lãnh đạo BV;
- Lưu:VT, KD

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN MẮT VÀ DA LIỄU HẢI DƯƠNG

VŨ VĂN KHOẠI

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2)

(Kèm theo Quyết định số 249 /QĐ-BVMDL ngày 02/11/2026 của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương)

TT	Chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (vnđ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương	Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2)	Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2)	**1.958.765.200**	Nguồn Bảo hiểm Y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị theo quy định	Chào giá trực tuyến rút gọn, trong nước, qua mạng	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	60 ngày	Quý 4 năm 2026	Đơn giá cố định	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không
		Tổng cộng:		**1.958.765.200**								

DANH MỤC THUỐC

Gói thầu: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương năm 2026 (lần 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVMDL ngày 02/11/2026 của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương)

STT	STT theo TT20/2022/TT-BYT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế theo TT 40/2025/TT-BYT	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	854	Natri clorid	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	4	Chai/Lọ/Ống	15.000	1.320	19.800.000
2	216	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	(35.000IU + 60.000 IU + 10mg)/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	4	Chai/Lọ/Ống	5.000	37.000	185.000.000
3	850	Moxifloxacin + dexamethason	(25mg + 5mg)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	4	Lọ	4.000	19.309	77.236.000
4	236	Moxifloxacin	0,5% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	2	Lọ	2.000	45.885	91.770.000
5	856	Natri hyaluronat	0,1%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	4	Lọ	3.500	22.869	80.041.500
6	831	Brimonidin tartrat + timolol	2mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	1	Lọ	400	200.800	80.320.000
7	864	Tafluprost	15mcg/ml x 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	1	Lọ	300	244.799	73.439.700
8	12	Lidocain hydroclorid	20mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Ống	5.000	520	2.600.000
9	247	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên nang	1	Viên	50.000	1.890	94.500.000
10	226	Azithromycin	500mg	Uống	Viên	3	Viên	10.000	5.990	59.900.000
11	106	Fexofenadin	180 mg	Uống	Viên	3	Viên	50.000	1.900	95.000.000
12	101	Desloratadin	5mg	Uống	Viên	1	Viên	10.000	5.900	59.000.000
13	109	Loratadin	10mg	Uống	Viên	1	Viên	30.000	1.743	52.290.000
14	755	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên	3	Viên	100.000	670	67.000.000
15	300	Itraconazol	100mg	Uống	Viên nang	2	Viên	5.000	7.350	36.750.000
16	1022	Vitamin A + D3	2500IU+200IU	Uống	Viên nang	4	Viên	260.000	320	83.200.000
17	301	Ketoconazol	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	7.000	4.090	28.630.000
18	280	Aciclovir	3%; 5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	4	Tuýp	500	48.000	24.000.000

19	280	Aciclovir	50mg/g x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	1.200	3.750	4.500.000
20	280	Aciclovir	800mg	Uống	viên	3	Viên	7.000	4.100	28.700.000
21	630	Mupirocin	20mg/g; 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	2	Tuýp	2.000	35.000	70.000.000
22	642	Tyrothricin	0,1% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	1	Tuýp	1.000	63.000	63.000.000
23	642	Tyrothricin	0,1% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	2.000	38.000	76.000.000
24	623	Fusidic acid	2%, 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	2.000	12.800	25.600.000
25	624	Fusidic acid + betamethason	(400mg + 20mg)/20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	3.000	41.496	124.488.000
26	607	Calcipotriol + betamethason dipropionat	1,5mg + 15mg; 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	800	190.000	152.000.000
27	606	Calcipotriol	0,75mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	500	120.000	60.000.000
28	607	Calcipotriol + betamethason dipropionat	0,75mg + 7,5mg; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	800	180.000	144.000.000
TỔNG CỘNG										**1.958.765.200**